TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 06/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 14-01-2026
"Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trang Thị Cẩm Nhuần.

Ông Lê Văn Bài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nhi là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 12 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Vĩnh Long tham gia phiên toà: Ông Lư Thái Duy, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 155/2025/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 16 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Kim Oanh Đ**, sinh năm 1972; căn cước số: 084072007865 (Có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp K, xã P, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Bà **Thạch Thị C**, sinh năm 1973; căn cước số: 084173004091 (Có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp K, xã P, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/10/2025 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn ông Kim Oanh Đ trình bày có nội dung: Vào năm 1991 ông Đ xác lập quan hệ vợ chồng với bà Thạch Thị C, nhưng đến năm 2017 mới đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 29/9/2017.

Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Kim Sô Ra D, sinh ngày 01/01/1992, đã thành niên sống tự lập không yêu cầu Tòa án giải quyết; con chung tên Kim Thị Châm R, sinh ngày 26/9/2009, hiện do ông đang nuôi dưỡng, khi ly hôn ông yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Ông và và C tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyên nhân mâu thuẫn: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, bà C có tình cảm với người đàn ông khác nên bỏ nhà đi từ ngày 17/8/2024 cho đến nay, ông đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không được do ông không thể liên hệ được với bà C. Nay ông thấy không còn tình cảm với bà C yêu cầu được ly hôn.

- *Bị đơn bà Thạch Thị C vắng mặt nhưng có lời khai thể hiện:* Bà và ông Đ chung sống có 02 con chung tên Kim Sô Ra D, sinh ngày 01/01/1992, đã thành niên sống tự lập không yêu cầu Tòa án giải quyết; con chung tên Kim Thị Châm R, sinh ngày 26/9/2009, hiện do ông Đ đang nuôi dưỡng, khi ly hôn bà đồng ý giao con chung cho ông Đ được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và bà không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung:bà và ông Đ không tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng đã sống ly thân đã 03 năm, nay ông Đ yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý ly hôn, vì vợ chồng sống không còn tình cảm và không có sự quan tâm đến nhau.

***Những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất*:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Kim Oanh Đ và bà Thạch Thị C thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Đ và bà C thống nhất con chung tên Kim Sô Ra D, sinh ngày 01/01/1992, đã thành niên sống tự lập không yêu cầu Tòa án giải quyết; giao con chung tên Kim Thị Châm R, sinh ngày 26/9/2009 cho ông Đ được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu R; ông Đ không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ông Đ và bà C không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Đ và bà C khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những vấn đề các đương sự không thống nhất: Không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Kim O Đươne được ly hôn với bà Thạch Thị C. Về con chung: Ông Đ và bà C thống nhất con chung tên Kim Sô Ra D, sinh ngày 01/01/1992, đã thành niên sống tự lập không yêu cầu Tòa án giải quyết; giao con chung tên Kim Thị Châm R, sinh ngày 26/9/2009 cho ông Đ được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu R; ông Đ không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Không tranh chấp và nợ chung không có yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng đều có đơn xin vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đ xác lập quan hệ hôn nhân với bà C và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 29/9/2017 đúng theo quy định của pháp luật, cho nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp. Nay ông Đ và bà C thống nhất ly hôn, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự.

[3] Về con chung: Ông Đ và bà C thống nhất con chung tên Kim Sô Ra D, sinh ngày 01/01/1992, đã thành niên sống tự lập không yêu cầu Tòa án giải quyết; giao con chung tên Kim Thị Châm R, sinh ngày 26/9/2009 cho ông Đ được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu R, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đ không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Ông Đ và bà C không tranh chấp, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Ông Đ và bà C khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[8] Về án phí: Ông Đ và bà C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Kim Oanh Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Kim O Đươne được ly hôn với bà Thạch Thị C.

2. Về con chung: Kim Sô R, sinh ngày 01/01/1992, đã thành niên sống tự lập, nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết; giao con chung tên Kim Thị Châm R, sinh ngày 26/9/2009 cho ông Kim O Đươne được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu R.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Ông Đ và bà C không tranh chấp, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, ông Kim Oanh Đ phải chịu toàn bộ nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005012, ngày 10/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh V; ông Đ đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết công khai để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 12 – Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng THADS khu vực 12 – Vĩnh Long;
- Ủy ban nhân dân xã P (chứng nhận kết hôn ngày 19/9/2017);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Hoàng Ân